

**Phụ lục I**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Giai đoạn 2021-2030	Chức năng đô thị
1	Đô thị Tuy Hòa	II	I	Đến năm 2025, thành phố Tuy Hòa đạt một số chỉ tiêu của đô thị loại I, mở rộng địa giới hành chính để tạo thuận lợi cho việc định hướng đến năm 2030 thành phố Tuy Hòa đảm bảo tiêu chí đô thị loại I. Là đô thị biển, hạt nhân, trung tâm động lực tổng hợp toàn tỉnh.
2	Đô thị Đông Hòa	IV	III	Thị xã trực thuộc tỉnh. Trung tâm tổng hợp - Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp và dịch vụ.
3	Đô thị Sông Cầu	III	II	Thị xã lên thành phố trực thuộc tỉnh. Trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh; đô thị vệ tinh trên hành lang ĐTH phía Đông; Trung tâm phát triển du lịch của vùng.
4	Đô thị Tuy An	V	IV	Huyện lên thị xã, trực thuộc tỉnh. Trung tâm tổng hợp - Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch và dịch vụ.
5	Đô thị La Hai	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Đồng Xuân. Đô thị trên trục đô thị hóa hành lang phát triển phía Tây của tỉnh. Trung tâm tổng hợp cấp huyện
6	Đô thị Xuân Phước		V	Đô thị loại V, huyện Đồng Xuân
7	Đô thị Xuân Lãnh		V	Đô thị loại V, huyện Đồng Xuân
8	Đô thị Hai Riêng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Sông Hinh; Trung tâm tổng

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Giai đoạn 2021-2030	Chức năng đô thị
				hợp cấp huyện; Trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh kết nối phát triển trực tiếp với vùng Tây Nguyên.
9	Đô thị Tân Lập		V	Đô thị loại V, huyện Sông Hinh
10	Đô thị Củng Sơn	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Sơn Hoà; Trung tâm tổng hợp cấp huyện; Trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh kết nối phát triển trực tiếp với vùng Tây Nguyên.
11	Đô thị Sơn Long		V	Đô thị loại V, huyện Sơn Hoà
12	Đô thị Trà Khê Sơn Hội		V	Đô thị loại V, huyện Sơn Hoà
13	Đô thị Phú Hòa	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Phú Hoà; Trung tâm tổng hợp cấp huyện
14	Đô thị Phong Niên		V	Đô thị loại V, huyện Phú Hoà
15	Đô thị Hòa Trị		V	Đô thị loại V, huyện Phú Hoà
16	Đô thị Phú Thứ (mở rộng)	V	IV	Thị trấn huyện lỵ của huyện Tây Hoà; Trung tâm tổng hợp cấp huyện
17	Đô thị Sơn Thành Đông		V	Đô thị loại V, huyện Tây Hoà
18	Đô thị Hòa Mỹ Đông		V	Đô thị loại V, huyện Tây Hoà

**Ghi chú:**

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng hoặc chia tách, sáp nhập thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

**Phụ lục II**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các KCN thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ</b>		<b>1.449</b>	
<b>I.1</b>	<b>Các khu công nghiệp đã thành lập và đi vào hoạt động</b>		<b>430</b>	
1	KCN Hòa Hiệp 1	Thị xã Đông Hòa	101	<i>Khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên</i>
2	KCN Hòa Hiệp 2	Thị xã Đông Hòa	73	
3	KCN An Phú	Thị xã Tuy Hòa	68	
4	KCN Đông Bắc Sông cầu khu vực 1	Thị xã Sông Cầu	106	
5	KCN Đông Bắc Sông cầu khu vực 2	Thị xã Sông Cầu	82	
<b>I.2</b>	<b>Các khu công nghiệp dự kiến thành lập mới</b>		<b>1.019</b>	
1	KCN công nghệ cao	Thị xã Đông Hòa	252	<i>Khu công nghiệp nằm trong</i>
2	KCN Hòa Tâm	Thị xã Đông Hòa	500	
3	KCN Hòa Xuân Tây	Thị xã Đông Hòa	67	
4	KCN Hòa Xuân Đông	Thị xã Đông Hòa	100	

STT	Tên khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích dự kiến đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
5	KCN Hòa Thành	Thị xã Đông Hòa và Thành phố Tuy Hòa	100	<i>Khu kinh tế Nam Phú Yên</i>
<b>II</b>	<b>Các KCN tiềm năng xem xét mở rộng hoặc thành lập mới khi được điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu đất KCN trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đủ điều kiện theo quy định</b>		<b>2.013</b>	
1	KCN Hòa Tâm	Thị xã Đông Hòa	580	<i>Các khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên</i>
2	KCN Hòa Xuân Tây	Thị xã Đông Hòa	387	
3	KCN Hòa Xuân Đông	Thị xã Đông Hòa	320	
4	KCN hậu cần sân bay	Thị xã Đông Hòa	354	
5	KCN Hòa Thành	Thị xã Đông Hòa	372	

**Ghi chú:** Đối với các khu công nghiệp quy hoạch mới, địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

**Phụ lục III**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
<b>A</b>	<b>THỜI KỲ 2021 - 2030</b>		<b>730</b>	
<b>I</b>	<b>Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động</b>	Huyện Sông Hình, huyện Sơn Hoà, huyện Đồng Xuân, huyện Phú Hoà, huyện Tuy An, thị xã Sông Cầu	385	Đa ngành
<b>II</b>	<b>Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>			
	CCN Hòa Phú	Xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa	74	Đa ngành
<b>III</b>	<b>Các cụm công nghiệp thành lập mới</b>			
1	CCN Soi Nga	Huyện Đồng Xuân	56	Đa ngành
2	CCN Đá Mài	Huyện Tây Hòa	70	Đa ngành
3	CCN Nông Nghiệp	Huyện Tây Hòa	5	Đa ngành
4	CCN Xuân Thịnh	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
5	CCN Xuân Bình	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
<b>B</b>	<b>SAU NĂM 2030</b>		<b>560</b>	
1	CCN Buôn Trinh	Huyện Sông Hình	45	Đa ngành
2	CCN Tân An	Huyện Sông Hình	60	Đa ngành
3	CCN Tân Lập	Huyện Sông Hình	30	Đa ngành
4	CCN Vân Hòa	Huyện Sơn Hoà	50	Đa ngành
5	CCN Kiến Thiết	Huyện Sơn Hoà	15	Đa ngành
6	CCN Phước Lộc	Huyện Đồng Xuân	25	Đa ngành
7	CCN Phong Hậu	Huyện Phú Hoà	50	Đa ngành
8	CCN Long Phụng	Huyện Phú Hoà	8	Đa ngành
9	CCN Tiên Châu	Huyện Tuy An	12	Đa ngành
10	CCN Phong Phú	Huyện Tuy An	35	Đa ngành

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
11	CCN Trung Lương	Huyện Tuy An	20	Đa ngành
12	CCN Xuân Thọ 2	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
13	CCN Xuân Phương	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
14	CCN Xuân Lộc	Thị xã Sông Cầu	70	Đa ngành
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>		<b>1.290</b>	

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm thành lập.

- Đối với một số CCN dự kiến đầu tư sau năm 2030, trường hợp huy động được nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

**Phụ lục IV**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Tên khu du lịch</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Khu du lịch gành Đá Đĩa	Huyện Tuy An
2	Khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài	Thị xã Sông Cầu
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Từ Nham	Thị xã Sông Cầu
4	Khu danh thắng Bãi Môn - Mũi Điện	Thị xã Đông Hòa
5	Khu Di tích lịch sử Vũng Rô - du lịch sinh thái Hòn Nưa	Thị xã Đông Hòa
6	Khu Du lịch sinh thái đầm Ô Loan	Huyện Tuy An
7	Khu Du lịch sinh thái đảo Nhất Tự Sơn	Thị xã Sông Cầu
8	Khu danh thắng Quần thể Hòn Yến - bãi Phú Thường	Huyện Tuy An
9	Khu Du lịch sinh thái núi Đá Bia	Thị xã Đông Hòa
10	Khu du lịch sinh thái Cao nguyên Vân Hòa	Huyện Sơn Hòa
11	Khu công viên văn hóa Núi Nhạn	Thành phố Tuy Hòa
12	Các khu Ẩm thực Xứ Nẫu	
13	Các khu chức năng tổng hợp sân golf	Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu; huyện Tuy An; huyện Phú Hòa; huyện Tây Hòa; thị xã Đông Hòa; huyện Sông Hinh; huyện Đồng Xuân; huyện Sơn Hòa

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

**Phụ lục V**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên công trình/Dự án	Quy mô dự kiến đến năm 2030	Địa điểm		Ghi chú
			Điểm đầu	Điểm cuối	
<b>I</b>	<b>Cao tốc</b>				
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), đoạn Quy Nhơn (Bình Định) - Chí Thạnh (Phú Yên), đoạn Chí Thạnh (Phú Yên) - Vân Phong (Khánh Hòa)				Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia
2	Tuyến cao tốc Phú Yên – Đắk Lắk (CT.23)				Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia
<b>II</b>	<b>Quốc lộ</b>				
1	Đầu tư mở rộng các đoạn còn lại của tuyến Quốc lộ 25	Cấp III; 02 - 04 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Phú Hòa	Huyện Sơn Hòa	
2	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Yên	Cấp III - IV; 02 - 04 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị); tập	Thị xã Đông Hòa	Huyện Sông Hinh	



		<b>Quy mô</b>	<b>Địa điểm</b>		<b>Ghi chú</b>
		trung các đoạn xung yếu, qua khu dân cư và các đoạn trong đô thị			
3	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 19C	Cấp III - IV; 02 - 04 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị); tập trung các đoạn xung yếu, qua khu dân cư và các đoạn trong đô thị	Huyện Đồng Xuân	Huyện Sông Hinh	
4	Đầu tư hoàn chỉnh tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên - Gia Lai, đoạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Quốc lộ 19E)	Cấp III – IV; 02 - 04 làn xe	Huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	
5	Tuyến đường bộ ven biển	Cấp III đồng bằng và đường phố chính đô thị thứ yếu; 02 – 06 làn xe	Thị xã Sông Cầu	Thành phố Tuy Hòa	
<b>III</b>	<b>Đường tỉnh</b>				
1	Đường Kết nối QL1A, QL1D phía Nam hầm Cù Mông, thị xã Sông Cầu (tại Nút giao quy hoạch thị xã Sông Cầu)	Theo quy hoạch của địa phương	Thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	
2	Đường số 7 thị trấn Chí Thạnh (tại Nút giao kết nối với thị trấn Chí Thạnh)	Theo quy hoạch của địa phương	Huyện Tuy An	Huyện Tuy An	

		<b>Quy mô</b>	<b>Địa điểm</b>		<b>Ghi chú</b>
3	Đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến đường cao tốc (tại Nút giao kết nối với Đường Nguyễn Hữu Thọ)	Theo quy hoạch của địa phương	Thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa	
4	QL.29 đoạn kết nối đường Cao tốc với QL.1 (tại nút giao QL29)	Theo quy hoạch của địa phương	Thị xã Đông Hòa	Huyện Tây Hòa	
5	Đường kết nối Cao tốc với QL1 (tại Nút giao KCN Hoà Tâm)	Theo quy hoạch của địa phương	Thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.641 kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Cấp III-IV, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tuy An	Huyện Đông Xuân	
7	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.645	Cấp III, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Thành phố Tuy Hòa	Huyện Tây Hòa	
8	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (đoạn từ Cầu Dinh Ông - ĐT.645B)	Cấp III - IV, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	
9	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (giai đoạn 3)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tây Hòa	Huyện Tuy An	

		<b>Quy mô</b>	<b>Địa điểm</b>		<b>Ghi chú</b>
10	Đường ĐT.645B (Đường cơ động quốc phòng gắn với phát triển KTXH, tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn Đông Hòa - Tây Hòa)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	Thị xã Đông Hòa	Huyện Tây Hòa	
11	Tuyến Xuân Phước - Phú Hải (giai đoạn 3);	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	Huyện Sơn Hòa	Huyện Sơn Hòa	
12	Công trình đầu tư xây dựng cầu qua sông Ba (nối đô thị Phong Niên, huyện Phú Hòa với thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa)	Cấp III - IV; 2-4 làn xe	Huyện Phú Hòa	Huyện Tây Hòa	
13	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.642	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Thị xã Sông Cầu	Huyện Đông Xuân	
14	Tuyến đường nối dài từ ĐT.643 đến điểm kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Cấp III 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tuy An	Huyện Tuy An	
15	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.644 đến ĐT.647	Cấp III-IV, 2- 4 làn xe	Huyện Đông Xuân	Huyện Đông Xuân	
16	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.646	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Đông Xuân	Huyện Sơn Hòa	
17	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.647	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo	Huyện Đông Xuân	Huyện Đông Xuân	

		<b>Quy mô</b>	<b>Địa điểm</b>		<b>Ghi chú</b>
		Quy hoạch đô thị)			
18	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.650	Cấp III - IV; 2-4 làn xe (đối với các đoạn qua Đô thị làm theo Quy hoạch đô thị)	Huyện Tuy An	Huyện Sơn Hòa	
19	Tuyến ĐT.650 nối dài (kết nối với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29)	Cấp III-IV, 2- 4 làn xe	Huyện Sơn Hòa	Huyện Sông Hinh	
20	Tuyến kết nối Cảng hàng không Tuy Hòa với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29	Đường đô thị, 4-6 làn xe	Thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa	
21	Tuyến đường từ cảng Bãi Góc (KKT Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối QL1 đi KKT Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa)	Đường đô thị, 4-6 làn xe	Thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	
22	Tuyến đường kết nối tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông với Thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa	Cấp III – IV, đường đô thị; 2-6 làn xe;	Thành phố Tuy Hòa	Huyện Phú Hòa	
23	Chương trình bê tông hóa đường GTNT	Tối thiểu đạt chuẩn đường cấp D trở lên đến cấp IV	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên		

**Ghi chú:**

- Quy mô quy hoạch các đoạn tuyến đường bộ qua khu vực đô thị đầu tư phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị.
- Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.
- Phương án quy hoạch (quy hoạch mới, nâng cấp, sửa chữa, di dời) các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường nông thôn khác, đường trong các khu sản xuất, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp, phương án các công trình logistics cấp huyện, bến xe, bãi đỗ xe và các công trình hạ tầng giao thông khác sẽ được xác định trong quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng

vùng huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn.

**Phụ lục VI**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN, LƯỚI ĐIỆN, TRẠM BIẾN ÁP**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. NGUỒN ĐIỆN**

STT	Công trình cấp điện	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Công suất dự kiến đến năm 2030*	
<b>I</b>	<b>Điện gió tiềm năng</b>			10.000	
	Nghiên cứu thu hút đầu tư các dự án điện gió tại các khu vực tiềm năng	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh			
<b>II</b>	<b>Điện mặt trời tiềm năng</b>			1.850	
	Nghiên cứu thu hút đầu tư các dự án điện mặt trời tại các khu vực tiềm năng	Thị xã Sông Cầu và các huyện Tây Hòa, Sơn Hoà, Phú Hoà, Sông Hinh			
<b>III</b>	<b>Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác tiềm năng</b>			200	
	Nghiên cứu thu hút đầu tư các dự án điện sinh khối, điện sản xuất từ rác tại các khu vực tiềm năng	Thành phố Tuy Hòa và các huyện Sơn Hòa, Tuy An, Tây Hoà, Đồng Xuân			
<b>IV</b>	<b>Thủy điện</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Các dự án thủy điện đang hoạt động dự kiến mở rộng, nâng công suất</b>				
1	Thủy điện Sông Hinh (Mở rộng)	Huyện Sông Hinh	70	140	Được phê duyệt theo

STT	Công trình cấp điện	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Công suất dự kiến đến năm 2030*	
2	Thủy điện Sông Ba Hạ (Mở rộng)	Huyện Sơn Hòa	220	280	Quy hoạch điện VIII (Phụ lục III Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023)
3	Nâng công suất Thủy điện Đá Đen	Huyện Tây Hòa	9	15	Cải tạo nâng công suất
IV.2	<b>Dự án thủy điện được quy hoạch trong giai đoạn 2011 - 2020 dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021 -2030</b>				
	Thủy điện Khe Cách	Huyện Đông Xuân		12	
IV.3	<b>Các dự án thủy điện tiềm năng</b>	Các huyện: Đông Xuân, Sông Hinh, Sơn Hòa		469	
V	<b>Nhà máy nhiệt điện LNG tiềm năng</b>	Thị xã Đông Hòa		1.400	

**Ghi chú:**

- Quy mô và vị trí của các dự án điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác sẽ được xác định cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc đầu tư các dự án đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 – 2030, dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

- Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

- Danh mục các dự án, địa điểm cụ thể, quy mô công suất, diện tích đất sử dụng đất, sử dụng mặt biển, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án nguồn điện nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

### 1. Trạm biến áp 110kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	
<b>1</b>	<b>Xây dựng mới</b>			
1.1	TBA 110kV Phú Lâm		40	
1.2	TBA 110kV Vân Hòa		40	
1.3	TBA 110kV Hòa Tâm		2x40	
1.4	TBA 110kV Sơn Thành		40	
1.5	TBA 110kV Xuân Lãnh		40	
1.6	TBA 110kV KCN Đông Bắc Sông Cầu		40	
1.7	TBA 110kV Sông Hình		25	
1.8	TBA 110kV Hòa Hiệp 2		40	
1.9	TBA 110kV KCN Đa ngành		2x63	
1.10	TBA 110kV Hòa trị		40	
1.11	TBA 110kV Hóa dầu		2x40	
1.12	TBA 110kV Hòa Hiệp 3		40	
1.13	TBA 110kV Tuy Hòa 3		40	
1.14	TBA 110kV Hòa Mỹ Đông		40	
1.15	TBA 110kV NC Nam Phú Yên		2x40	
1.16	TBA 110kV KCN Đông Bắc Sông Cầu mở rộng		40	
1.17	TBA 110kV Tuy An 2		40	
1.18	TBA 110kV Phú Hòa		40	
1.19	TBA 110kV Sông Cầu nối nối cấp		63	
1.20	TBA 110kV Điện gió, điện mặt trời xanh Sông Cầu		5/63	
<b>2</b>	<b>Cải tạo</b>			
2.1	TBA 110kV Tuy Hòa	2x40	2x63	
2.2	TBA 110kV Tuy Hòa 2	25+40	2x40	
2.3	TBA 110kV Tuy An	40	2x40	
2.4	TBA 110kV Sông Cầu	40	2x63	
2.5	TBA 110kV Sông Cầu 2	40	2x40	
2.6	TBA 110kV Hòa Hiệp	25+40	2x40	
2.7	TBA 110kV Sơn Hòa	25	2x40	
2.8	TBA 110kV An Mỹ	40	2x40	
2.9	TBA 110kV Đồng Xuân	25	2x40	
2.10	TBA 110kV Phú Hòa	40	2x40	
2.11	TBA 110kV Đèo cả	25	2x40	



## 2. Đường dây 110kV

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
<b>1</b>	<b>Xây dựng mới</b>			
1.1	TBA 110kV Sơn Hòa - TBA 110kV Sông Hinh		1x18,77km ACSR-240	
1.2	Trạm 220kV Sông Cầu - KCN Đông Bắc Sông Cầu		1x18,77km ACSR-240	
1.3	TBA 220kV Nam Phú Yên - Hòa Tâm		2x3km ACSR-300	
1.4	Nhánh rẽ đầu nối TBA Phú Lâm		2x3km ACSR-300	
1.5	Nhánh rẽ TBA 110kV Vân Hòa		2x4,5km ACSR-300	
1.6	Sông Hinh - Krông H'Năng		2x15km ACSR-300	
1.7	Đèo Cả - Hòa Hiệp 2 - nhánh rẽ Trạm 220kV Tuy Hòa - Phú Hòa		1x41km ACSR-240	
1.8	Nhánh rẽ TBA Hòa Hiệp 2		1x28km ACSR-300	
1.9	Sơn Hòa - Krông Pa		2x0,5km ACSR-300	
1.10	Nhánh rẽ TBA 110kV Hóa Dầu		2x34km ACSR-300	
1.11	Nhánh rẽ TBA 110kV KCN Đa ngành		2x 4km ACSR-300	
1.12	Nhánh rẽ TBA Sơn Thành		2x0,5km ACSR-300	
1.13	Nhánh rẽ TBA Hòa Trị		2x 0,5 km ACSR-300	
1.14	Nhánh rẽ TBA Xuân Lãnh		2x0,5km ACSR-240	
1.15	DZ 110kV Xuân Lãnh - TBA 110kV Vân Canh (Bình Định)		2x11 km ACSR-300	
1.16	Nhánh rẽ TBA Hòa Hiệp 3		1x20,5Km ACSR-300	
1.17	Nhánh rẽ TBA Tuy Hòa 3		2x4km ACSR-300	
1.18	Nhánh Rẽ TBA 110kV Hòa Mỹ		2x2,5km	

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
	Đông		ACSR-240	
1.19	TBA 110kV NC Nam Phú Yên		2x1,5km	
			ACSR-300	
1.20	TBA 110kV KCN Đông Bắc Sông Cầu mở rộng		2x3 km	
			ACSR-300	
1.21	Đường dây 110kV Sông Hinh - Thủy điện Sông Hinh		2x9km	
			ACSR-300	
1.22	Nhánh rẽ TBA 110kV Tuy An 2		2x4,5km	
			ACSR-240	
1.23	Xuất tuyến 110kV Đầu nối TBA		4x5km	
			ACSR-300	
1.24	Xuất tuyến 110kV Đầu nối TBA 220kV Nam Phú Yên		4x1,5km	
			ACSR-300	
1.25	Tuy Hoà 220 – Phú Hoà		2x9 (AC-300)	
1.26	Phú Hoà - Tuy Hoà 2		1x9 (AC-240)	
1.27	Đầu nối ĐMT Xanh Sông Cầu		2x7 (AC-400)	
1.28	Sông Cầu 220 - Quy Nhơn 3		2x30 (AC-300)	
<b>2</b>	<b>Cải tạo</b>			
2.1	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sông Hinh - Tuy Hòa 2	1x29,5km	1x 29,5km	
		ACSR-185 mm <sup>2</sup>	ACSR300	
2.2	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sông Hinh - Sơn Giang - Phú Hòa	1x33km	1x33km	
		ACSR-185 mm <sup>2</sup>	ACSR300	
2.3	Cải tạo đường dây 110kV từ trạm 220kV Tuy Hòa - Sơn Hòa	1x23km	2x23km	
		ACSR-240mm <sup>2</sup>	ACSR300	
2.4	Cải tạo đường dây 110kV Tuy Hòa 2 - Hòa Hiệp - Đèo Cả	1x28km	2x28km	
		ACSR-185mm <sup>2</sup>	ACSR300	
2.5	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Tuy Hòa - Phú Hòa	1x11km	1x11km	
		ACSR-185 mm <sup>2</sup>	ACSR300	
2.6	Kéo dây mạch 2 đường dây trạm 220kV Tuy Hòa - An Mỹ	1x13km	2x13km	
		ACSR300	ACSR300	

STT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
2.7	Cải tạo nâng tiết diện DZ 110kV Đèo cả - Vạn Giã.	2x18km	2x18km	
		ACSR185	ACSR300	
2.8	Cải tạo đường dây 110kV mạch kép từ trạm 220kV Tuy Hòa - An Mỹ - Tuy An- Sông Cầu 2	2x53km	2x53km	
		ACSR-240	ACSR-400	
2.9	Cải tạo đường dây 110kV mạch đơn từ trạm 220kV Tuy Hòa - Tuy Hòa	1x10km	1x10km	
		ACSR-240	ACSR-400	

**\*Ghi chú:**

- Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện; quy mô, chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép triển khai.

**Phụ lục VII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng mới</b>			
<b>I.1</b>	<b>Vùng hạ lưu lưu vực sông Ba</b>			
1	Xây dựng mới hồ chứa Suối Thá	Huyện Sơn Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
2	Xây dựng mới hồ chứa Sông Tha	Huyện Sơn Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
3	Xây dựng mới hồ chứa Sông Bạc	Huyện Sơn Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
4	Xây dựng mới hồ chứa Suối Nước Nóng	Huyện Tây Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
5	Xây dựng mới hồ chứa Sông Mới	Thị xã Đông Hòa	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
6	Xây dựng kè chống xói lở bờ tả Sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn	Huyện Sơn Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
	(GD 2)			
7	Xây dựng kè bảo vệ bờ tả Sông Ba tại khu vực cầu Dinh Ông, thị trấn Phú Hòa	Huyện Phú Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
8	Xây dựng kè chống xói lở bờ tả sông Ba khu vực xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa (Phú Sen, Ông Tím)	Huyện Phú Hòa	Tuyến kè dài 6.000m	Đảm bảo ổn định cho quốc lộ 25 và kênh chính Bắc của hệ thống Thủy Nông Đồng Cam đi qua khu vực này.
9	Xây dựng kè Hòa Phú, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
10	Kè chống xói lở bờ hữu sông Ba, đoạn từ thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa đến phòng Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa	Huyện Tây Hòa, thị xã Đông Hòa, TP Tuy Hòa	Tuyến kè dài 10.500m	
11	Xây dựng kè Lạc Nghiệp, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	Tuyến kè dài 1.500m	
12	Xây dựng kè An Phú	Thành phố Tuy Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	
13	Xây dựng đê Ngăn mặn	Thành phố Tuy Hòa	Tuyến đê dài 1.500m	
14	Xây dựng kè chống xói lở bờ tả Sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ (giai đoạn 2)	Thành phố Tuy Hòa	Tuyến kè dài 1.000m	
15	Xây dựng kè chống sạt lở mái ngoài kênh chính Bắc phía bờ sông Ba	Huyện Phú Hòa	Kè mái ngoài 700m	Đảm bảo ổn định kênh chính Bắc của hệ thống Thủy Nông Đồng Cam đi qua khu vực này.
16	Xây dựng kè chống sạt lở mái ngoài kênh chính Nam phía bờ sông Ba, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	Kè mái ngoài: 1.500 m	Đảm bảo ổn định kênh chính Nam của hệ thống Thủy Nông Đồng Cam đi qua khu vực này.
17	Xây dựng kè Hòa Hiệp Nam, Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	Tuyến kè dài 12.000m	
18	Xây dựng kè chống xói lở khu vực cửa	Thị xã Đông Hòa	Tuyến kè dài 2.000m	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
	sông Đà Nông, thị xã Đông Hòa			
19	Xây dựng kè bờ Bắc, Bờ Nam Sông Bàn Thạch (từ Quốc lộ 1 đến đường sắt), thị xã Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa	Tuyến kè dài 7.000m	Bảo vệ cho 560 ha đất
20	Xây dựng trạm bơm chống hạn Phú Hòa	Huyện Phú Hòa	- Xây dựng trạm bơm chống hạn quy mô công suất 8.000 m <sup>3</sup> /h; - Kênh tưới: 0,5 km.	
21	Xây dựng trạm bơm chống hạn Hòa Đồng	Huyện Tây Hòa	- Xây dựng trạm bơm chống hạn quy mô công suất 2.000 m <sup>3</sup> /h; - Kênh tưới: 0,5 km;	
22	Xây dựng trạm bơm chống hạn Đá Cối	Huyện Tây Hòa	- Xây dựng trạm bơm chống hạn quy mô công suất 4.000 m <sup>3</sup> /h; -Kênh tưới: 2km	
<b>I.2</b>	<b>Vùng lưu vực Sông Cầu</b>			
1	Xây dựng mới hồ chứa Xuân Lâm	Thị xã Sông Cầu	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, hệ thống kênh tưới và các công trình phụ trợ	
2	Xây dựng kè Xuân Cánh	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 2.900m	
3	Xây dựng kè Xuân Thịnh	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 1.200m	
<b>I.3</b>	<b>Vùng lưu vực sông Kỳ Lộ</b>			
1	Xây dựng mới hồ chứa Phú Xuân 2	Huyện Đồng Xuân	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
2	Xây dựng mới hồ chứa Suối Cối	Huyện Đồng Xuân	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
3	Xây dựng mới hồ chứa Phú Mỹ	Huyện Đồng Xuân	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
4	Xây dựng mới hồ chứa Tó Ó	Huyện Tuy An	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
5	Xây dựng kè Xuân Thọ 1, TX. Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 4.000m	
6	Xây dựng kè Xuân Thọ 2, TX. Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 2.200m	
7	Xây dựng kè Bình Bá, TX. Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	Tuyến kè dài 3000m	
8	Xây dựng kè Ngự Hàm Thủy, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 2.500m	
9	Xây dựng đê hướng dòng cửa biển Lễ Thịnh	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 3000m	
10	Xây dựng đê hướng dòng cửa biển An Hải	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 2000m	
11	Xây dựng kè Phú Thường, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 2000m	
12	Xây dựng kè An Chấn, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 3000m	
13	Xây dựng kè chống sạt lở dọc sông Kỳ Lộ, huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	Tuyến kè dài 5000m	
14	Xây dựng mới hồ chứa nước Phú Mỹ	Huyện Tuy An	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
15	Xây dựng mới hồ chứa nước Miếu Bạch	Huyện Tuy An	Xây dựng hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ	
16	Xây dựng kè chống sạt lở dọc sông Kỳ Lộ, huyện Tuy An	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 7.000m	

STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
17	Xây dựng kè sông Hà Yên	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 4.000m	
18	Xây dựng kè Bãi Dài	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 900m	
19	Xây dựng kè An Vũ	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 300m	
20	Xây dựng đê ngăn mặn	Huyện Tuy An	Tuyến kè dài 4.500m	
<b>II</b>	<b>Nâng cấp sửa chữa</b>			
<b>II.1</b>	<b>Vùng hạ lưu lưu vực sông Ba</b>			
1	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Suối Vực	Huyện Sơn Hòa	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 12 km - Xây dựng hệ thống kênh nhánh: 30 km	
2	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Hóc Rằm	Huyện Tây Hòa	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước. - Kênh tưới: 4 km	
3	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Lỗ Ân	Thành phố Tuy Hòa	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 4 km;	
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sử dụng nước sau Thủy điện sông Hinh	Huyện Sông Hinh	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập tràn, công lấy nước, trạm bơm tưới; - Kênh tưới: 30 km.	
5	Nâng cấp, sửa chữa đập ngăn mặn Thạch Tuấn	Thị xã Đông Hòa	Sửa chữa, nâng cấp để ngăn mặn và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và Khu Kinh tế Nam Phú Yên	
6	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm bơm Phú Vang	Thành phố Tuy Hòa	Nâng cấp, sửa chữa 20 km kênh tưới	
7	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm kênh Nam	Huyện Tây Hòa	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 60 km kênh tưới	
8	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm kênh Bắc	Huyện Phú Hòa	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 77 km kênh tưới	
9	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm bơm Nam	Tx. Đông Hòa	- Sửa chữa nâng cấp nhà máy trạm bơm	



STT	Tên hệ thống/ công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
	Bình		bằng BTCT; - Kênh tưới: 5km	
10	Nâng cấp, sửa chữa đập Đồng Cam	Huyện Phú Hòa	Nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập chính, cống lấy nước, cống xả cát	
<b>II.2</b>	<b>Vùng lưu vực sông Cầu</b>			
	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Xuân Bình	Tx Sông Cầu	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, kênh dẫn chuyên lưu vực, đập dâng Bình Ninh; - Kênh tưới: 4 km	
<b>II.3</b>	<b>Vùng lưu vực sông Kỳ Lộ</b>			
1	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Kỳ Châu	Huyện Đồng Xuân	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 10 km - Xây dựng hệ thống kênh nhánh: 15 km	
2	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Phú Xuân	Huyện Đồng Xuân	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 18 km	
3	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa Đồng Tròn	Huyện Tuy An	- Sửa chữa nâng cấp cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước - Kênh tưới: 10 km	
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm bơm Bầu Súng	Huyện Tuy An	- Sửa chữa nâng cấp nhà máy trạm bơm bằng BTCT; - Kênh tưới: 2 km	
5	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm Tuy An	Huyện Tuy An	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 20 km kênh tưới	

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

**Phụ lục VIII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC TỈNH PHÚ YÊN**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Khu vực cấp nước	Dự báo nhu cầu sử dụng nước (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	
		Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	<b>Nhà máy nước Tuy Hòa</b> (gồm: Thành phố Tuy Hòa; thị xã Đông Hòa; các xã An Chấn, An Mỹ, An Hòa Hải - Tuy An; và các vùng lân cận)	30.000	50.000
2	<b>Nhà máy nước Phú Hòa</b> (gồm: Khu vực huyện Phú Hòa và huyện Tây Hòa)	3.000	8.000
3	<b>Nhà máy nước Sông Cầu</b> (gồm: Các phường nội thị, xã Xuân Phương, xã Xuân Lâm và xã Xuân Thọ 1)	6.000	8.000
4	<b>Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu Cầu</b> (gồm: Các xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải, Xuân Cảnh và khu vực lân cận thị xã Sông Cầu)	5.000	10.000
5	<b>Nhà máy nước Chí Thạnh</b> (gồm: Thị trấn Chí Thạnh, các xã: An Dân, An Định, An Thạch, An Ninh Đông, An Ninh Tây, An Cư và khu vực lân cận huyện Tuy An)	9.000	15.000
6	<b>Nhà máy nước La Hai</b> (gồm: Thị trấn La Hai, các xã: Xuân Quang 3, Xuân Sơn Bắc, Xuân Long và khu vực lân cận huyện Đồng Xuân)	2.000	3.000
7	<b>Nhà máy nước Củng Sơn</b> (gồm: Thị trấn Củng Sơn, các xã: Suối Bạc, Sơn Hà và khu vực lân cận huyện Sơn Hòa)	2.500	3.000
8	<b>Nhà máy nước Hai Riêng</b> (gồm: Thị trấn Hai Riêng, các xã: xã Ea Bia, Ea Trol và khu vực lân cận huyện Sông	3.000	4.000

	Hình)		
9	<b>Khu kinh tế Nam Phú Yên</b>	50.000	100.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110.500</b>	<b>201.000</b>

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; các dự án cấp nước khác đối với cấp huyện, cấp xã được xác định trong quy hoạch xây dựng chung cấp huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.

**Phụ lục IX**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH PHÚ**  
**YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. Nhà máy xử lý rác**

STT	Danh mục	Nội dung quy hoạch	Dự kiến quy mô (tấn/ngày)
1	Khu liên hợp xử lý rác TP.Tuy Hòa	Đầu tư mới	1.000
2	Khu xử lý CTR Thị xã Sông Cầu	Đầu tư mới	206
3	Khu xử lý chất thải Thị xã Đông Hòa	Đầu tư mới	150
4	Nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt Phú Yên	Đầu tư mới	420

**II. Nhà máy xử lý nước thải**

STT	Danh mục	Địa điểm	Dự kiến quy mô (m <sup>3</sup> /ng.đ)
<b>I</b>	<b>Danh mục đầu tư nâng công suất</b>		
	Nhà máy XLNT TP. Tuy Hòa	TP. Tuy Hòa	22.500
<b>II</b>	<b>Danh mục đầu tư xây mới</b>		
1	Nhà máy XLNT thị xã Đông Hòa	TX Đông Hòa	15.200
2	Nhà máy XLNT Thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu	15.300
3	Nhà máy XLNT huyện Phú Hòa	Huyện Phú Hòa	10.000
4	Nhà máy XLNT huyện Tuy An	Huyện Tuy An	4.000
5	Nhà máy XLNT huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh	1.500
6	Nhà máy XLNT huyện Sơn Hòa	Huyện Sơn Hòa	2.000
7	Nhà máy XLNT huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân	4.300
8	Nhà máy XLNT Huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa	8.000

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; các dự án xử lý chất thải khác đối với cấp huyện, cấp xã được xác định trong quy hoạch xây dựng.

**Phụ lục X**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên công trình
1	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh
2	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh
3	Phát triển toàn diện hệ thống phát thanh truyền hình tỉnh Phú Yên trong kỷ nguyên số
4	Thành lập Khu công nghệ thông tin chuyển đổi số Phú Yên

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

**Phụ lục XI**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**  
**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Số cơ sở</b>	<b>Cơ sở/ Địa điểm</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư nâng cấp sửa chữa, xây mới cơ sở các bậc học</b>		
1	Trường trung học phổ thông	28	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	01	Thành phố Tuy Hoà
3	Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	(*)	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>II</b>	<b>Khối đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm giáo dục</b>		
<b>II.1</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>		
1	Trường Đại học Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hoà
2	Trường Đại học Xây dựng miền Trung	01	Thành phố Tuy Hoà
3	Cao đẳng nghề Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hoà
4	Cao đẳng Công Thương Miền Trung	01	Thành phố Tuy Hoà
5	Cao đẳng y tế Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hoà
6	Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Sông Cầu	01	Thị xã Sông Cầu
7	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tuy An	01	Huyện Tuy An
8	Trung tâm GDNN - Hướng nghiệp tỉnh Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hoà
9	Trung Tâm GDNN - Dạy Nghề Huyện Đồng Xuân	01	Huyện Đồng Xuân
10	Trung tâm GDNN huyện Sông Hinh	01	Huyện Sông Hinh
11	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Phú Hòa	01	Huyện Phú Hòa

12	Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Đông Hòa	01	Thị xã Đông Hoà
13	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tây Hòa	01	Huyện Tây Hoà
<b>II.2</b>	<b>Di dời, xây mới</b>		
	Học viện Ngân hàng - Phân hiệu Phú Yên (**)	01	Thành phố Tuy Hoà

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

\* Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan.

\*\* Giai đoạn 2026-2030, di dời học viện ngân hàng - phân viện Phú Yên đến địa điểm mới.

**Phụ lục XII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ sở khám chữa bệnh	Dự kiến quy mô giường bệnh đến 2030	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>2.200</b>	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên (hạng 1)	1.000	
2	Bệnh viện Sản nhi	400	Thành phố Tuy Hoà
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền	300	Thành phố Tuy Hoà
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng	200	Thành phố Tuy Hoà
5	Bệnh viện Mắt	50	Thành phố Tuy Hoà
6	Bệnh viện Da liễu	50	Thành phố Tuy Hoà
7	Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh	50	Thành phố Tuy Hoà
8	Bệnh viện Công An tỉnh	50	Thành phố Tuy Hoà
9	Dự kiến nâng cấp một số khoa lên thành bệnh viện*	100	
<b>III</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>1.110</b>	
1	TTYT Thành phố Tuy Hòa	50	Thành phố Tuy Hoà
2	TTYT Thị xã Đông Hòa	100	Thị xã Đông Hoà
3	TTYT Thị xã Sông Cầu	160	Thị xã Sông Cầu
4	TTYT Huyện Đồng Xuân	550	Huyện Đồng Xuân
5	TTYT Huyện Phú Hòa	150	Huyện Phú Hòa
6	TTYT Huyện Sơn Hòa	150	Huyện Sơn Hòa
7	TTYT Huyện Sông Hinh	150	Huyện Sông Hinh
8	TTYT Huyện Tây Hòa	150	Huyện Tây Hòa
9	TTYT Huyện Tuy An	150	Huyện Tuy An
<b>III</b>	<b>Tổng số giường ngoài công lập</b>	<b>1.000</b>	
	Các Bệnh viện cung cấp dịch vụ chất lượng cao	1.000	
	<b>Tổng số giường bệnh</b>	<b>4.310</b>	

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

\* Dự kiến thành lập bệnh viện lao và bệnh phổi và bệnh viện tâm thần.



**Phụ lục XIII**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA**

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Công viên địa chất Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa, huyện Tuy An, một phần các huyện Phú Hòa, Tây Hòa và Sơn Hòa
2	Nhà Bảo tàng Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
3	Nhà hát ca múa nhạc Dân gian Sao Biển	Thành phố Tuy Hòa
4	Nhà hát Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
5	Nhà Văn hoá Diên Hồng	Thành phố Tuy Hòa
6	Trung tâm Văn hóa Triển lãm tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
7	Trung tâm Hội nghị Tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
8	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh

**B. CÁC THIẾT CHẾ THỂ THAO**

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Tuy Hoà
2	Trung tâm vui chơi Thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Tuy Hoà
3	Sân vận động tỉnh	Thành phố Tuy Hoà

**Ghi chú:** Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

**Phụ lục XIV**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**  
**TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. Chợ đầu mối (hạng I)**

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	<b>Công trình xây dựng mới</b>	
1	Chợ đầu mối thủy sản Dân Phước	Thị xã Sông Cầu
2	Chợ đầu giá cá ngừ tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hoà

**II. Kho dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt (quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>)**

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	<b>Công trình xây dựng mới</b>	
<b>1</b>	<b>Xăng dầu (quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>)</b>	
	Xây mới 2-3 kho xăng dầu	Thị xã Đông Hoà
<b>2</b>	<b>Khí đốt (quy mô dưới 2.500 tấn)</b>	
	Xây mới từ 2-3 kho và trạm nạp LPG	Trên địa bàn tỉnh

**III. Trung tâm logistics**

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	<b>Công trình xây dựng mới</b>	
1	Trung tâm logistics Thị xã Đông Hoà	Thị xã Đông Hoà
2	Trung tâm logistics Thành phố Tuy Hoà	Thành phố Tuy Hoà
3	Trung tâm logistics Thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

**Phụ lục XV**  
**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH PHÚ YÊN THỜI KỲ 2021-2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Loại đất	Mã	Diện tích QH đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của tỉnh (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)- (4)
<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>			<b>502.596</b>	<b>502.596</b>	
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	424.026	419.841	-4.185
	<i>Trong đó:</i>			0	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	31.378	29.226	-2.152
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	25.789	25.169	-620
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		66.951	66.951
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	104.925	104.925	0
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	15.785	15.785	0
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	131.303	131.303	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	73.085	89.533	16.448
	<i>Trong đó:</i>			0	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12.328	12.328	0
2.2	Đất an ninh*	CAN	1.915	1.915	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.449	3.462	2.013
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		1.230	1230
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		2.829	2.829
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		1.689	1.689
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS		904	904
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	26.353	30.770	4.417
	<i>Trong đó</i>			0	
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	11.030	14.029	2.999
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	125	125	0
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	133	135	2
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	831	881	50
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	198	798	600
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	10.150	10.400	250
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	21	21	0
2.9	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	2	2	0

TT	Loại đất	Mã	Diện tích QH đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của tỉnh (ha)	
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	86	250	164
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON		148	148
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng	NTD		1.460	1.460
2.13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	301	438	137
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		577	577
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT		6.084	6.084
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT		4.277	4.277
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		250	250
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		98	98
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		0	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5.485	5.485	0
II	Khu chức năng			0	
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	0	460	460
2	Đất khu kinh tế	KKT	20.730	20.730	0
3	Đất đô thị	KDT	20.944	20.944	0

**Ghi chú:**

- Việc định hướng sử dụng đất thực hiện theo Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh bổ sung thì thực hiện theo Quyết định điều chỉnh của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ tiêu đất an ninh được xác định theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Diện tích khu chức năng không tính vào diện tích tự nhiên. Diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác. Trong quá trình thực hiện UBND tỉnh Phú Yên chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu giữa các địa phương để phù hợp với nhu cầu sử dụng theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

**Phụ lục XVI**  
**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH THẨM DÒ, KHAI THÁC CHẾ BIẾN VÀ**  
**SỬ DỤNG CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG**  
**VÀ THAN BÙN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Các loại khoáng sản</b>	<b>Số lượng điểm mỏ</b>
1	Đá xây dựng	85
2	Cát xây dựng	67
3	Đất, cát san lấp	132
4	Đất sét	21
5	Than bùn	6
<b>Tổng cộng</b>		<b>311</b>

**Ghi chú:** Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan đề rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của Tỉnh và các quy định hiện hành. Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt. Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình phụ trợ cho khai thác mỏ như đường kết nối vào mỏ, khu nghiền sàng, chế biến khoáng sản... sẽ được xác định tại quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch nông thôn và trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ.

**Phụ lục XVII**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TỈNH PHÚ YÊN**  
*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>I</b>	<b>Giao thông vận tải</b>	
1	Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ Tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam đến đường địa phương	
1.1	Đường Kết nối QL1A, QL1D phía Nam hầm Cù Mông, thị xã Sông Cầu (tại Nút giao quy hoạch thị xã Sông Cầu)	Thị xã Sông Cầu
1.2	Đường số 7 thị trấn Chí Thạnh (tại Nút giao kết nối với thị trấn Chí Thạnh)	Huyện Tuy An
1.3	Đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến đường cao tốc (tại Nút giao kết nối với Đường Nguyễn Hữu Thọ)	Thành phố Tuy Hòa
1.4	QL.29 đoạn kết nối đường Cao tốc với QL.1 (tại nút giao QL29)	Huyện Tây Hòa; Thị xã Đông Hòa
1.5	Đường kết nối Cao tốc với QL1 (tại Nút giao KCN Hoà Tâm)	Thị xã Đông Hòa
2	Tuyến đường cao tốc Phú Yên – Đắk Lắk (CT.23)	Thị xã Đông Hòa – Huyện Tây Hòa – Huyện Sông Hinh
3	Đầu tư mở rộng các đoạn còn lại của tuyến Quốc lộ 25	Các huyện Phú Hòa – Sơn Hòa
4	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Yên	Thị xã Đông Hòa – Huyện Tây Hòa – Huyện Sông Hinh
5	Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 19C	Các huyện Đồng Xuân – Sơn Hòa – Sông Hinh
6	Đầu tư hoàn chỉnh tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên - Gia Lai, đoạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Quốc lộ 19E)	Huyện Đồng Xuân
7	Tuyến đường bộ ven biển	Thị xã Sông Cầu – Huyện Tuy An –

STT	Tên công trình/ Dự án	Địa điểm
		Thành phố Tuy Hòa
8	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.641 và kết nối với với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Các huyện Tuy An - Đông Xuân
9	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.645	Thành phố Tuy Hòa - Huyện Tây Hòa
10	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (đoạn từ Cầu Dinh Ông - ĐT.645B)	Huyện Tây Hòa
11	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (giai đoạn 3)	Huyện Phú Hòa – Thành phố Tuy Hòa – Huyện Tuy An
12	Đường ĐT.645B (Đường cơ động quốc phòng gắn với phát triển KTXH, tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn Đông Hòa - Tây Hòa)	Thị xã Đông Hòa – Huyện Tây Hòa
13	Tuyến Xuân Phước - Phú Hải (giai đoạn 3);	Huyện Sơn Hòa-Huyện Đông Xuân
14	Công trình đầu tư xây dựng cầu qua sông Ba (nối đô thị Phong Niên, huyện Phú Hòa với thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa)	Các huyện Phú Hòa – Tây Hòa
15	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.642	Thị xã Sông Cầu – Huyện Đông Xuân
16	Tuyến đường nối dài từ ĐT.643 đến điểm kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên	Huyện Tuy An
17	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.644 đến ĐT.647	Huyện Đông Xuân
18	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.646	Huyện Đông Xuân – Huyện Sơn Hòa
19	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.647	Huyện Đông Xuân
20	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.649	Huyện Tuy An – Thị xã Sông Cầu
21	Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.650	Huyện Tuy An – Sơn

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
		Hòa – Sông Hinh
22	Tuyến ĐT.650 nối dài (kết nối với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29)	Huyện Sơn Hòa- Huyện Sông Hinh
23	Tuyến kết nối Cảng hàng không Tuy Hòa với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29	Thành phố Tuy Hòa – Thị xã Đông Hòa.
24	Tuyến đường từ cảng Bãi Gốc (KKT Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối QL1 đi KKT Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa)	Thị xã Đông Hòa
25	Tuyến đường kết nối tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông với Thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa	Thành phố Tuy Hòa – Huyện Phú Hòa
26	Chương trình bê tông hóa đường GTNT	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên
27	Đầu tư nâng cấp, mở rộng sân bay Cảng hàng không Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
28	Đầu tư Khu bến Vũng Rô (thuộc Cảng biển Phú Yên)	Thị xã Đông Hòa
29	Đầu tư Khu bến Bãi Gốc (thuộc Cảng biển Phú Yên)	Thị xã Đông Hòa
30	Nâng cấp bến xe liên tỉnh; xây dựng mới và nâng cấp bến xe các huyện, thị xã	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>II</b>	<b>Đô thị</b>	
1	Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị thành phố Tuy Hòa để đạt tiêu chí đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh	TP. Tuy Hòa
2	Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị huyện Tuy An để đạt tiêu chí đô thị loại IV là thị xã thuộc tỉnh	Huyện Tuy An
3	Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị thị xã Sông Cầu để đạt tiêu chí đô thị loại III là thành phố thuộc tỉnh	Thị xã Sông Cầu
4	Dự án khu đô thị mới, khu du lịch trong KKT Nam Phú Yên	KKT Nam Phú Yên



<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
5	Khu đô thị dịch vụ ven biển thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên	Thị xã Đông Hòa
6	Khu đô thị mới phường Phú Lâm và Phú Thạnh	Thành phố Tuy Hòa
7	Khu đô thị dịch vụ ven biển Hòa Hiệp Nam	Thị xã Đông Hòa
8	Các khu đô thị Vĩnh Xuân Đài	Thị xã Sông Cầu
9	Các Khu đô thị Đầm Ô Loan	Huyện Tuy An
10	Các khu đô thị thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
11	Các khu đô thị phía Nam Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa
12	Khu đô thị Hòa Vinh	Thị xã Đông Hòa
13	Khu đô thị Nam Bình (giai đoạn 1)	Thị xã Đông Hòa
14	Khu đô thị mới phía Đông Hòa Vinh	Thị xã Đông Hòa
15	Khu đô thị Biển Hồ - Đá Bia	Thị xã Đông Hòa
16	Khu dân cư dọc kè sông Ba	Huyện Tây Hòa
<b>III</b>	<b>Công nghiệp</b>	
1	Hạ tầng kết nối các CCN, các KCN	Địa bàn các địa phương quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp
2	Dự án Khu liên hợp gang thép	Thị xã Đông Hòa
3	Tổ hợp lọc hóa dầu	Thị xã Đông Hòa
4	Các dự án: điện mặt trời; điện gió trên bờ; điện gió ngoài khơi; Nhà máy điện sinh khối; điện rác; nhà máy sản xuất Hydro-amoniac xanh	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
5	Các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với quy hoạch	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
6	Các Nhà máy chế biến: thức ăn chăn nuôi; chế biến sữa; chế biến nước hoa quả xuất khẩu gắn với vùng nguyên liệu; sản xuất chế biến gạo hàng hóa chất lượng cao tại tỉnh Phú Yên; chế biến các loại trái cây, thảo dược vùng nguyên liệu...	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
7	Đầu tư kinh doanh hạ tầng các KCN, các CCN theo quy hoạch	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
<b>IV</b>	<b>Điện</b>	
1	Các công trình đường dây 500kV, 220kV, 110kV theo trạm biến áp	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Các công trình trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV theo quy hoạch	Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Cải tạo, nâng công suất; xây dựng mới đường dây 110kV trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	chi tiết danh mục dự án theo Phụ lục VI của Quyết định
<b>V</b>	<b>Thương mại - dịch vụ - du lịch - thể dục, thể thao</b>	
1	Các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo và xây mới chợ	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Dự án đầu tư Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
3	Đầu tư khoảng 3-4 sân Golf	Các địa phương ven biển; huyện Phú Hòa - Tây Hòa.
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Rạng Đông - Phú Yên; Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp vịnh Vũng Rô; Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Nưa; Khu công viên chuyên đề kết hợp thương mại - dịch vụ nghỉ dưỡng; Khu du lịch Biển Hồ - Đá Bia; Khu Thương mại - Dịch vụ du lịch Công viên Bầu Hà	Thị xã Đông Hòa
5	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng nóng Triêm Đức; Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng nóng Trà Ô	Huyện Đồng Xuân

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
6	Khu du lịch Đá Bàn Hồ Mỹ Lâm; Khu du lịch suối Lạnh, Đầm Bầu Đá	Huyện Tây Hòa
7	Khu vui chơi, du lịch Gành Đá Hòa Thắng, Phú Hòa	Huyện Phú Hòa
8	Tổ hợp khu du lịch, văn hóa, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cao nguyên Vân Hòa	Huyện Sơn Hòa và Tuy An
9	Tổ hợp khu du lịch Vực Sông, Vực Hòm, Vực Lỗ Tròn; Khu du lịch đầm Ông Kinh - núi Mái Nhà; Khu du lịch Phú Lương; Tổ hợp khu du lịch nghỉ dưỡng Đầm Ô Loan; Dự án du lịch nghỉ dưỡng Gành Đá Đĩa	Huyện Tuy An
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đầm Cù Mông	Thị xã Sông Cầu
11	Dự án Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
12	Các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
13	Trung tâm logistics tại Đông Hòa gắn với cảng cạn (ICD) phục vụ cảng Vũng Rô và cảng Bãi Góc	Thị xã Đông Hòa
14	Trung tâm logistics thành phố Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
15	Trung tâm logistics Sông Cầu gắn với khu công nghiệp Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu
16	Các Trung tâm logistics gắn với các đô thị lớn của tỉnh và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>	
1	Hồ Xuân Lâm; Kè Xuân Cảnh; Kè Xuân Thịnh; Kè Xuân Thọ 1; Kè Xuân Thọ 2; Kè Bình Bá...	Thị xã Sông Cầu
2	Kè Ngự Hàm Thủy; Kè mở hàn hướng dòng cửa biển Lê Thịnh; Kè, mở hàn dòng cửa biển An Hải; Kè Phú Thường; Kè An Chấn...	Huyện Tuy An
3	Kè An Phú; Đê Ngăn mặn; Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ (giai đoạn 2)...	Thành Phố Tuy Hòa
4	Kè Hòa Hiệp Nam; Hòa Hiệp Trung; Kè chống xói lở khu vực cửa sông Đà Nông; Kè bờ Bắc, Bờ Nam Sông Bàn Thạch (từ Quốc lộ 1 đến đường sắt); Hồ Sông Mới; Kè bờ Nam Sông Ba - Đoạn từ cầu Đà Rằng cũ đến cầu Đà Rằng mới (Kết hợp phát triển đô thị) ...	Thị xã Đông Hòa
5	Hồ Suối nước Nóng; Kè Hòa Phú; Kè Lạc Nghiệp; Kè Phú Thứ (giai đoạn 2)...	Huyện Tây Hòa

STT	Tên công trình/ Dự án	Địa điểm
6	Kè bảo vệ bờ tả Sông Ba tại khu vực cầu Dinh Ông, thị trấn Phú Hòa; Kè chống xói lở bờ tả sông Ba khu vực xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa (Phú Sen, Ông Tím); Đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Lỗ Chài 2...	Huyện Phú Hòa
7	Hồ Suối Thá (Tân Hiên); Hồ Sông Tha; Hồ Sông Bạc; Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn (GD 2)...	Huyện Sơn Hòa
8	Hồ chứa nước Phú Xuân 2, huyện Đồng Xuân; Hồ Suối Cối; Hồ chứa nước Phú Mỡ...	Huyện Đồng Xuân
<b>VII</b>	<b>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	Nâng cấp cảng cá Đông Tác (Cảng cá loại I - Cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư tỉnh Phú Yên)	Thành phố Tuy Hòa
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá lạch Vạn Cui xã An Ninh Tây	Xã An Ninh Tây, huyện Tuy An
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòa Hiệp Nam – Hòa Hiệp Trung	Thị xã Đông Hòa
4	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch xã An Hòa Hải - An Ninh Đông	Huyện Tuy An
5	Cảng cá Xuân Cảnh (Loại III)	Thị xã Sông Cầu
6	Cảng cá Mỹ Quang (Loại III)	Huyện Tuy An
7	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ các vùng nuôi biển tập trung xa bờ	Thị xã Sông Cầu
8	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao xã Xuân Bình	Thị xã Sông Cầu.
9	Dự án Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên	Thị xã Đông Hòa
10	Dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 – 2030, tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
11	Dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2026-2030	Tỉnh Phú Yên
12	Dự án Rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
13	Nghiên cứu phát triển sản xuất giống lúa chất lượng cao	Tỉnh Phú Yên
14	Nghiên cứu lai, chọn tạo và khảo nghiệm một số giống lúa năng suất, chất lượng cao mang thương hiệu Tuy Hòa	Tỉnh Phú Yên
15	Phát triển giống sạch bệnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
16	Ương nuôi tôm hùm giống trong bể xi-măng	Tỉnh Phú Yên
17	Phát triển sản xuất giống rong biển bằng công nghệ nuôi cấy mô; nuôi thương phẩm rong biển ngoài tự nhiên tại tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
18	Nâng cao năng lực quản lý giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Phú Yên	Tỉnh Phú Yên
19	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Tuyết Diêm	Tuyết Diêm, Xuân Bình, Sông Cầu
20	Dự án phát triển và bảo tồn làng nghề sản xuất muối hàm truyền thống Tuyết Diêm	TX Sông Cầu
21	Dự án đầu tư nhà máy chế biến muối chất lượng cao Tuyết Diêm	TX Sông Cầu
22	Dự án khu tái định cư thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh
23	Dự án HTKT khu dân cư tập trung thôn Phước Huệ, xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân
24	Dự án tái định cư tập trung Bãi Lách, Bãi Ngà và Suối Rô thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, TX Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa
25	Khu tái định cư Dòng Cây Bút thôn Thái Long, xã An Lĩnh, huyện Tuy An	Huyện Tuy An
26	Dự án tái định cư xen ghép thôn Thạch Khê, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu
27	Dự án tái định cư thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu
28	Khu triều cường Gành Dưa thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, huyện Tuy An	Huyện Tuy An
29	Dự án HTKT khu dân cư tập trung thôn Long Mỹ, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân
30	Dự án khu tái định cư xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh
31	Dự án Cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đấu giá cá ngư	Thành phố Tuy Hòa
32	Dự án xây dựng các trang trại chăn nuôi bò thịt và gia cầm trên địa bàn	Huyện Sơn Hòa
33	Dự án xây dựng vùng cây ăn quả, cây dược liệu, vùng nguyên liệu chất lượng cao gắn với các nhà máy chế biến	Các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Tây Hòa, Phú Hòa, Đồng Xuân

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
34	Dự án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng cao nguyên Vân Hòa	Các huyện Sơn Hòa, Tuy An
35	Dự án Khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao	Thị xã Sông Cầu
36	Dự án khu nuôi trồng thủy sản vùng biển hồ	Thị xã Sông Cầu và Thị xã Đông Hòa
37	Vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung	Huyện Đồng Xuân, Sông Hinh và Sơn Hòa
38	Nâng cấp và xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh
39	Xây dựng vùng nguyên liệu và Nhà máy chế biến hoa quả, đóng gói trái cây xuất khẩu	Vùng phía Tây tỉnh Phú Yên
40	Dự án Vùng liên kết sản xuất lúa, gạo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Phú	Các huyện Tây Hòa, Phú Hòa, Tuy An và thị xã Đông Hòa
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa - xã hội</b>	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
2	Viện dưỡng lão và các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	Thành phố Tuy Hòa; huyện Sơn Hòa và Tuy An
3	Trung bày Bảo tàng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2	Thành phố Tuy Hòa
4	Tu bổ, tôn tạo danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Gành Đá Đĩa	Huyện Tuy An
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu di tích lịch sử Tàu Không số Vũng Rô	Thị xã Đông Hòa
6	Xây dựng mới Trung tâm hội nghị - Hội thảo tỉnh	Thành phố Tuy Hoà
7	Trung tâm Văn hóa, triển lãm tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
8	Hạ tầng thiết chế văn hóa cấp tỉnh, huyện, xã	Các địa phương trong tỉnh
<b>IX</b>	<b>Giáo dục – Đào tạo</b>	
1	Xây dựng mới 4 trường	Thành phố Tuy Hòa, Huyện Phú Hòa, Huyện Sông Cầu, Thị xã Đông Hòa
2	Nâng cấp cải tạo sửa chữa 25 trường	Địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Trường trung học chuẩn quốc tế, trường liên cấp chất lượng cao	Thành phố Tuy Hòa, Thị xã Đông Hòa, huyện Tây Hòa và huyện Phú Hòa.
<b>X</b>	<b>Y Tế</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã và thành phố
2	Các bệnh viện cung cấp dịch vụ chất lượng cao	Thành phố Tuy Hòa
3	Hệ thống các Phòng khám bệnh	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>XI</b>	<b>Thông tin truyền thông</b>	
1	Đầu tư nâng cấp, xây dựng, mua sắm trang thiết bị, ứng dụng và phát triển công nghệ số để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số	Toàn tỉnh
2	Đầu tư hạ tầng, xây dựng thành phố (đô thị) thông minh	Các đô thị
3	Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực; tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể người dân của tỉnh sử dụng ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng thiết yếu của đời sống...	Toàn tỉnh

<b>STT</b>	<b>Tên công trình/ Dự án</b>	<b>Địa điểm</b>
4	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số cho Đài phát thanh và Truyền hình Tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở; các Đài truyền thanh xã; báo Phú Yên và hệ thống thông tin đối ngoại	Các địa phương
5	Đầu tư nâng cấp hạ tầng phục vụ Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025	Các địa phương
6	Thực hiện số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước	Các địa phương
7	Hình thành khu công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Các địa phương
8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quốc phòng, an ninh	Các địa phương
9	Dự án Trung tâm dữ liệu và cơ sở kết nối cáp viễn thông biển trên bờ (Data Center)	Thị xã Đông Hòa
<b>XII</b>	<b>Cơ quan nhà nước</b>	
1	Xây dựng Trung tâm hành chính của tỉnh	Thành phố Tuy Hòa
2	Xây dựng khu tập trung các Trường Đại học, cao đẳng	Thành phố Tuy Hòa
<b>XIII</b>	<b>Khoa học và Công nghệ</b>	
1	Không gian đổi mới sáng tạo	
2	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
<b>XIV</b>	<b>Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</b>	
1	Nhà máy xử lý nước thải	Thành phố Tuy Hòa; Thị xã Đông Hòa; Thị xã Sông Cầu
2	Khu liên hợp xử lý rác TP. Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
3	Khu bảo vệ cảnh quan Đèo Cả - Hòn Vọng Phu	thị xã Đông Hòa, huyện Tây Hòa và huyện Sông Hinh
<b>XV</b>	<b>Quốc phòng, an ninh</b>	
1	Các công trình quốc phòng, quân sự	Các địa phương trên địa bàn tỉnh



STT	Tên công trình/ Dự án	Địa điểm
2	Các công trình an ninh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

**Ghi chú:**

\* Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cam kết không hợp thực hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư các dự án tại Phụ lục này.

\* Về địa điểm cụ thể, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện, sẽ tiến hành rà soát, cập nhật bổ sung các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh trong từng thời kỳ để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội theo đúng quy định.

\* Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp các địa phương hoặc nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép triển khai sớm hơn.

\* Đối với phương án đấu nối các dự án nguồn điện sẽ được triển khai thực hiện theo Quy hoạch, Kế hoạch hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

\* Các dự án Khu đô thị và Khu dân cư sẽ được cụ thể hóa trong Chương trình phát triển đô thị và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

**Phụ lục XVIII**  
**DANH MỤC BẢN ĐỒ, SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH PHÚ YÊN**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Tên sơ đồ, bản đồ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:100.000